

Quỳnh Phụ, ngày 12 tháng 10 năm 2018

Số: 154/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1973

Bị đơn: Chị Đào Thị L, sinh năm 1978

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, 90 tuổi
Đều ở địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Văn K và chị Đào Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con cái: Anh K nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc T, sinh ngày 30/01/2003; Chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Mạnh C, sinh ngày 15/11/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh K, chị L có quyền thăm nom con chung.

Về tài sản: Anh K được sở hữu tài sản gồm: 02 gian nhà xây lợp ngói Proximãng làm trên đất ở của bà Nguyễn Thị T, tại Thôn P, xã H, huyện Q trị giá 30.000.000đồng; 04 khối gỗ cắm xe trị giá 80.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế

và 01 bàn thờ gỗ trị giá 26.000.000đồng; 03 cục gỗ hương trị giá 14.000.000đồng; Tổng trị giá tài sản là 150.000.000đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Chị L được sở hữu tài sản gồm: 02 tượng gỗ (Di lạc) trị giá 30.000.000đồng.

Anh K nhận chia trả chênh lệch về tài sản cho chị L là 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

-Án phí: Anh K nhận chịu cả 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh K và chị L mỗi người nhận chịu 2.250.000đồng án phí dân sự chia tài sản.

Chuyển số tiền 300.000đ anh K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003755 ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND H.Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.*
- *UBND xã H.*
- *Lưu HSVA.*

THẨM PHÁN
Nguyễn Minh Đức
(đã ký)